

Nợ chung: Không có

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho anh Nguyễn Thanh Đ nhưng anh Đ không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ hai nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không hạnh phúc nên đã ly thân với nhau từ tháng 11/2022 đến nay, gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh Đ.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị N thấy rằng các cháu D và Th đang chung sống ổn định với chị N, anh Đ không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N giao các con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình thì anh Đ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu D và T mỗi cháu với số tiền là 745.000 đồng/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên tháng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (29/3/2023) cho đến khi các cháu D và T đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp, anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng nên được đối trừ. Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Chị Mai Thị Kim N và anh Nguyễn Thanh Đ được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí D, sinh ngày 09/3/2006 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 03/02/2008 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Thanh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D, cháu T mỗi cháu với số tiền là 745.000 đồng/tháng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên tháng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (29/3/2023) cho đến khi cháu D, T đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp, anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Ngày 09/01/2023 chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003288 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu. Anh Nguyễn Thanh Đ chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn